

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4081/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo
Ngành Nhi khoa trình độ Tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Nhi khoa trình độ Tiến sĩ ngày 30 tháng 7 năm 2024;

Theo đề nghị Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học tại Tờ trình số 555/TTr-QLDTSĐH ngày 23 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Nhi khoa trình độ Tiến sĩ, mã ngành: 9720106. (đính kèm phụ lục)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2024 – 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa – Bộ môn có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá

chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- HT và các PHT;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (TA_15b)

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

Phụ lục
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NHI KHOA TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4081/QĐ-TĐHYKPNT, ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

I. Thông tin chung Chương trình đào tạo

- Mã ngành: 9720106
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Ngành đào tạo: Nhi khoa (Pediatrics)
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo: tổ chức đào tạo theo niên chế
- Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển: Theo quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh Sau đại học hàng năm.
- Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa:
 - + 3 năm dành cho Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ ngành Nhi khoa
 - + 4 năm dành cho Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ ngành Nhi khoa

II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PLO 1: Chẩn đoán, xử trí và quản lý được các bệnh lý Nhi khoa và các bệnh lý liên quan đến chuyên ngành nghiên cứu.

PLO 2: Thực hiện thành thạo một số thủ thuật Nhi khoa nâng cao và áp dụng được kỹ thuật tiên tiến trong ngành Nhi khoa.

PLO 3: Tổ chức và chủ trì các công trình nghiên cứu khoa học có tính mới và sáng tạo.

PLO 4: Phân tích và áp dụng được các bài báo, công trình khoa học trong nước và quốc tế thuộc ngành Nhi khoa.

PLO 5: Tích cực tự đào tạo liên tục để nâng cao năng lực chuyên môn và cải tiến chất lượng.

PLO 6: Đào tạo, định hướng và dẫn dắt người khác trong lĩnh vực Nhi khoa.

PLO 7: Tuân thủ những tiêu chuẩn về y đức, các quy định hành nghề theo pháp luật hiện hành, duy trì các mối quan hệ với bệnh nhân, thân nhân và đồng nghiệp.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

“Giáo dục toàn diện – Hướng về cộng đồng – Lấy người học làm trung tâm”.

3.2. Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường

- Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

- Tầm nhìn: “Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế”.

- Chiến lược: “Phát triển thành Trường Đại học sức khỏe hàng đầu trong nước. Có các chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, lấy người học làm trung tâm với đội ngũ giảng viên được phát triển. Quản trị đại học theo hình thức tiên tiến, dựa trên công nghệ 4.0. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo”.

3.3 Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Nhi khoa, có mục tiêu đào tạo được những bác sĩ có trình độ bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia, cụ thể như sau:

- Người học có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu, tiên tiến ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo.

- Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, có năng lực thực hành phù hợp.

- Người học có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ.

- Người học có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia, quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

- Người học thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, có khả năng đưa ra kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

IV. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1 Chuẩn đầu vào

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người học phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù

hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên); có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu.

4.2. Danh mục ngành đúng - ngành phù hợp:

Ngành đúng: Thạc sĩ Tai Mũi Họng

Ngành phù hợp: Theo Quyết định số 910/QĐ-TĐHYKPNT ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Danh mục ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

4.3. Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Tiếng Nga

V. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

- Dành cho Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ Nhi khoa (90 tín chỉ)

STT	KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP	SỐ TÍN CHỈ
1	Học phần chung	02 (2,2 %)
2	Học phần ngành/ chuyên ngành - Học phần bắt buộc - Học phần chuyên đề tự chọn	02 (2,2%) 06 (6,6%)
3	Chuyên đề Tiến sĩ và Tiểu luận tổng quan - Chuyên đề tiến sĩ 1 và 2 - Tiểu luận tổng quan	04 (4,5%) 04 (4,5%)
4	Khối kiến thức tốt nghiệp: Luận án	72 (80%)
Tổng cộng		90 tín chỉ

- Dành cho nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ Nhi khoa (học phần bổ sung kiến thức 30 tín chỉ)

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
A	Học phần bổ sung của trình độ thạc sĩ	30
1	Học phần bắt buộc	12 (40%)
2	Học phần tự chọn	06 (20%)
3	Chuyên đề tự chọn	12 (40%)

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ
B	Học phần tiến sĩ	90
1	Học phần chung	02 (2,2%)
2	Học phần ngành/chuyên ngành - Bắt buộc - Tự chọn	02 (2,2%) 06 (6,6%)
3	Chuyên đề, tiểu luận tổng quan - 2 chuyên đề tiến sĩ - 1 tiểu luận tổng quan	04 (4,5%) 04 (4,5%)
4	Luận án	72 (80%)
Tổng cộng		120

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

5.2.1 Đối với Nghiên cứu sinh đã có bằng Thạc sĩ Nhi khoa: 90 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
I. HỌC PHẦN CHUNG (2 tín chỉ)									
1	050000071A03	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	Advanced Methodology of Scientific Research	2	2	0	X		
II. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH									
HỌC PHẦN BẮT BUỘC (2 tín chỉ)									
2	050106053A01	Cấp cứu Hồi sức nâng cao	Advanced Pediatric Critical Care Medicine and Emergency	2	1	1	X		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 06 tín chỉ									
3	050106053B01	Y học chứng cứ	Evidence-based medicine	3	1	2	X		

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
4	050106053B02	Tim mạch nâng cao	Advanced Pediatric Cardiology	3	1	2	X		
5	050106053B03	Hô hấp nâng cao	Advanced Pediatric Pulmonology	3	1	2	X		
6	050106053B04	Tiêu hóa nâng cao	Advanced Pediatric Gastroenterology	3	1	2	X		
7	050106053B05	Nội tiết nâng cao	Advanced Pediatric Endocrinology	3	1	2	X		
8	050106053B06	Thận nâng cao	Advanced Pediatric Nephrology	3	1	2	X		
9	050106053B07	Huyết học nâng cao	Advanced Pediatric Hematology	3	1	2	X		
10	050106053B08	Sơ sinh nâng cao	Advanced Neonatology	3	1	2	X		
11	050106053B09	Thần kinh nhi nâng cao	Advanced Pediatric Neurology	3	1	2	X		
III CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN									
8	050106055A01	Chuyên đề Tiến sĩ 1	PhD Thesis Topics 1	2			X	X	
9	050106055A02	Chuyên đề tiến sĩ 2	PhD Thesis Topics 2	2			X	X	
10	050106055A03	Tiểu luận tổng quan	PhD Essay	4				X	
IV LUẬN ÁN TIẾN SĨ									
11	050106056A03	Luận án tiến sĩ	Doctoral thesis	72			X	X	X
TỔNG CỘNG				90					

5.2.2 Đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ Nhi khoa: 120 tín chỉ.

.A. HỌC PHẦN BỔ SUNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ: 30 tín chỉ (tiến trình thực hiện theo

Kế hoạch học tập của Nghiên cứu sinh)

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ	
					Lý thuyết	Thực hành
Học phần bắt buộc: (12 Tín chỉ)						
1	040106053A01	Hô hấp	Pediatric Pulmonology	2	1	1
2	040106053A02	Cấp cứu – Hồi sức	Pediatric Intensive care	2	1	1
3	040106053A03	Tiêu hóa – Dinh dưỡng	Pediatric Gastroenterology - Nutrition	2	1	1
4	040106053A04	Huyết học	Pediatric Hematology	2	1	1
5	040106053A05	Thận nhi	Pediatric Nephrology	2	1	1
6	040106053A06	Sơ sinh	Neonatology	2	1	1
Học phần tự chọn (chọn 6 Tín chỉ trong 11 Tín chỉ)						
7	040106053B01	Nội tiết – Thần kinh	Pediatric Endocrinology – Pediatric Neurology	4	2	2
8	040106053B05	Tim mạch	Pediatric Cardiology	2	1	1
9	040106053B03	Ngoại nhi	Pediatric Surgery	2	2	0
10	040106053B04	Chẩn đoán hình ảnh	Medical Imaging	2	2	0
Chuyên đề (12 tín chỉ)						
11	040106054A01	Hô hấp	Pediatric Pulmonology	2		
12	040106054A02	Cấp cứu – Hồi sức	Pediatric Intensive care	2		
13	040106054A03	Tiêu hóa – Dinh dưỡng	Pediatric Gastroenterology - Nutrition	2		
14	040106054A04	Huyết học	Pediatric Hematology	2		
15	040106054A05	Thận nhi	Pediatric Nephrology	2		
16	040106054A06	Sơ sinh	Neonatology	2		

B. HỌC PHẦN TIỀN SĨ (90 tín chỉ)

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
I. HỌC PHẦN CHUNG (2 tín chỉ)									
1	050000071A03	Phương pháp nghiên cứu khoa học nâng cao	Advanced Methodology of Scientific Research	2	2	0	X		
II. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH									
HỌC PHẦN BẮT BUỘC (2 tín chỉ)									
2	050106053A01	Cấp cứu Hồi sức nâng cao	Advanced Pediatric Critical Care Medicine and Emergency	2	1	1	X		
HỌC PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 06 tín chỉ									
3	050106053B01	Y học chứng cứ	Evidence-based medicine	3	1	2	X		
4	050106053B02	Tim mạch nâng cao	Advanced Pediatric Cardiology	3	1	2	X		
5	050106053B03	Hô hấp nâng cao	Advanced Pediatric Pulmonology	3	1	2	X		
6	050106053B04	Tiêu hóa nâng cao	Advanced Pediatric Gastroenterology	3	1	2	X		
7	050106053B05	Nội tiết nâng cao	Advanced Pediatric Endocrinology	3	1	2	X		
8	050106053B06	Thận nâng cao	Advanced Pediatric Nephrology	3	1	2	X		
9	050106053B07	Huyết học nâng cao	Advanced Pediatric Hematology	3	1	2	X		
10	050106053B08	Sơ sinh nâng cao	Advanced Neonatology	3	1	2	X		
11	050106053B09	Thần kinh nhi nâng cao	Advanced Pediatric Neurology	3	1	2	X		

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình		
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2	Năm 3
III CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN									
8	050106055A01	Chuyên đề Tiến sĩ 1	PhD Thesis Topics 1	2			X	X	
9	050106055A02	Chuyên đề tiến sĩ 2	PhD Thesis Topics 2	2			X	X	
10	050106055A03	Tiểu luận tổng quan	PhD Essay	4				X	
IV LUẬN ÁN TIẾN SĨ									
11	050106056A03	Luận án tiến sĩ	Doctoral thesis	72			X	X	X
TỔNG CỘNG				90					

VI. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1	Nghiên cứu khoa học nâng cao	1	1	4	5	3	1	3
2	Cấp cứu Hồi sức nâng cao	5	4	1	2	4	1	4
3	Y học chứng cứ	4	4	5	5	5	5	4
4	Hô hấp nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
5	Tim mạch nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
6	Tiêu hóa nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
7	Huyết học nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
8	Thận nhi nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
9	Sơ sinh nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
10	Nội tiết nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
11	Thần kinh nâng cao	5	5	1	1	4	2	5
12	Chuyên đề tiến sĩ 1	5	5	5	5	5	5	5
13	Chuyên đề tiến sĩ 2	5	5	5	5	5	5	5
14	Tiểu luận tổng quan	5	5	5	5	5	5	5
15	Luận án tiến sĩ	5	5	5	5	5	5	5

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

VII. Tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

7.1. Tổ chức dạy học

Dạy lý thuyết trực tiếp hoặc trực tuyến. Tổ chức dạy học trực tiếp, trình chuyên đề nghiên cứu, tiểu luận tổng quan và bảo vệ luận án tại phòng học/hội trường có trang bị đầy đủ máy chiếu, máy tính, mạng Internet, loa, micro. Tổ chức dạy trực tuyến trên nền tảng microsoft team có thể ghi âm, ghi hình bài giảng.

Thực hành lâm sàng tại bệnh viện Nhi đồng 1, bệnh viện Nhi đồng 2 và bệnh viện Nhi đồng Thành phố, phòng học trang bị đầy đủ máy chiếu và loa, micro.

7.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Phương pháp thuyết giảng (Lecture) có lồng ghép dạy học tích cực (Active learning)	X	X	X	X		X	X
Dạy học dựa trên nghiên cứu (Research-based learning)	X		X	X	X	X	X
Problem-based learning	X		X	X	X	X	X
Dạy học lâm sàng thảo luận ca bệnh (case discussion)	X	X		X			X
See one, Do one, teach one		X					X

7.3 Học liệu:

- Tài liệu học tập chính: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.
- Tài liệu tham khảo: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

VIII Phương pháp kiểm tra đánh giá: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiên bộ của người học, cải tiến. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

8.1 Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Việc hoàn thành các chuyên đề, tiểu luận NCS và khả năng thuyết trình; (2) Đảm bảo an toàn, quy trình kỹ thuật; (3) Có đủ điểm thành phần theo quy định tại Quy chế đào tạo của Trường.

8.2 Đánh giá kết thúc học phần

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	X						
Báo cáo thực tập	X	X					X
Ca lâm sàng đầy đủ cấu trúc theo mục tiêu (OSLER)	X						X
Trình chuyên đề	X			X	X	X	X
Trình tiểu luận tổng quan		X	X	X	X	X	X
Báo cáo hội nghị khoa học			X	X	X	X	X
Khả năng công bố kết quả nghiên cứu			X	X	X	X	X
Trình luận án	X	X	X	X	X	X	X

